



Ngày nhận bài: 28/8/2026; Ngày thẩm định: 13/9/2026; Ngày duyệt đăng: 21/9/2026.

YÊU CẦU BẢO ĐẢM AN NINH CON NGƯỜI, AN NINH QUỐC GIA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ Ở VIỆT NAM

Thiếu tá, ThS PHẠM KHẮC THỂ

Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Học viện Cảnh sát Nhân dân

*Tác giả liên hệ: Phạm Khắc Thể (Email: phamkhacthet02@gmail.com)

Tóm tắt: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển, Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 28/7/2026 về Chiến lược An ninh quốc gia đặt ra những yêu cầu mới đối với bảo đảm an ninh con người, quản trị rủi ro, an ninh hệ thống và năng lực ứng phó với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống. Từ góc độ đào tạo, những yêu cầu này làm thay đổi chuẩn năng lực của nguồn nhân lực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Bài viết phân tích ba chuyển đổi lớn trong nhận thức và đề xuất mô hình năm nhóm năng lực cốt lõi; trên cơ sở đó làm rõ bốn vấn đề trọng tâm cần đổi mới trong mục tiêu, chương trình, phương pháp, đội ngũ, hạ tầng và cơ chế gắn đào tạo với thực tiễn. Kết quả nghiên cứu cho thấy đổi mới đào tạo nguồn nhân lực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) cần được nhìn nhận như một bộ phận trực tiếp của xây dựng năng lực quốc gia về bảo đảm an ninh con người và an ninh quốc gia.

Từ khóa: an ninh con người, an ninh quốc gia, nguồn nhân lực, đào tạo, PCCC và CNCH, quản trị rủi ro.

Abstract: Resolution No. 18-NQ/TW on building a disciplined, safe, civilized, harmonious and developed society, and Resolution No. 22-NQ/TW on the National Security Strategy introduce new requirements for human security, risk governance, system security and responses to traditional and non-traditional security challenges. From an educational perspective, these requirements reshape the competency profile of fire and rescue personnel. This article identifies three major shifts in thinking, proposes a five-domain competency model, and analyzes four key issues for reforming training objectives, curricula, methods, instructors, infrastructure, and practice-based cooperation in Vietnam.

Keywords: human security, national security, human resources, training, fire and rescue, risk governance.

1. Trong bối cảnh các nguy cơ cháy, nổ, tai nạn, sự cố ngày càng gắn với đô thị hóa, hạ tầng trọng yếu, năng lượng mới, công nghệ số, thiên tai cực đoan và các thách thức an ninh phi truyền thống, công tác PCCC và CNCH không thể chỉ được nhìn nhận như hoạt động xử lý sự cố đơn lẻ. Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 22-NQ/TW đã đặt an ninh

con người, năng lực quản trị rủi ro, bảo vệ hệ thống, dự báo và ứng phó khủng hoảng vào những vị trí mới trong tư duy phát triển và bảo vệ an ninh quốc gia. Điều đó tác động trực tiếp đến yêu cầu đối với nguồn nhân lực PCCC và CNCH.

2. Điểm có ý nghĩa nền tảng của Nghị quyết số 18-NQ/TW là xác lập bảo đảm an ninh con người như

một mục tiêu, yêu cầu xuyên suốt của quá trình phát triển; đồng thời nhấn mạnh xây dựng nền quản trị xã hội hiện đại, lấy dữ liệu làm nền tảng, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực, tăng năng lực dự báo, cảnh báo sớm và quản trị rủi ro. Khi soi chiếu vào lĩnh vực PCCC và CNCH, cách tiếp cận này đòi hỏi phải vượt qua tư duy chủ yếu tập trung vào điều kiện an toàn và khả năng xử lý sau khi sự cố xảy ra.

Nguồn nhân lực PCCC và CNCH trong giai đoạn mới phải có khả năng tham gia toàn bộ chu trình quản trị rủi ro: nhận diện nguy cơ, thu thập và phân tích thông tin, đánh giá xác suất và hậu quả, xây dựng kịch bản, xác định ngưỡng rủi ro, tổ chức phòng ngừa, chuẩn bị lực lượng - phương tiện, chỉ huy ứng phó, phục hồi sau sự cố và chuyển hóa bài học thực tiễn thành biện pháp phòng ngừa mới. Đây là sự dịch chuyển quan trọng từ “người xử lý sự cố” sang “người quản trị rủi ro an toàn”. Sự thay đổi này có hệ quả trực tiếp đối với đào tạo. Nếu chương trình vẫn chủ yếu truyền đạt quy định, quy trình và thao tác nghiệp vụ theo từng tình huống tương đối ổn định thì khó đáp ứng yêu cầu mới. Người học cần được hình thành năng lực phân tích nguyên nhân sâu, đánh giá tương tác giữa các nguy cơ, dự báo diễn biến và ra quyết định trong điều kiện dữ liệu không đầy đủ. Nói cách khác, đào tạo phải đưa người học từ năng lực “làm đúng quy trình” lên năng lực “lựa chọn và điều chỉnh giải pháp phù hợp với rủi ro thực tế”.

3. Nghị quyết số 22-NQ/TW xác định an ninh con người là mục đích, đồng thời nhấn mạnh an ninh tổng thể, toàn diện, chủ động, bao trùm và kiến tạo; chuyển từ “bảo vệ lĩnh vực” sang “bảo vệ hệ thống”, từ “quản lý từng nguy cơ” sang “quản trị tương tác giữa các nguy cơ”, không để rủi ro vượt ngưỡng kiểm soát và khủng hoảng lan rộng thành tổn thất chiến lược. Đây là điểm đặc biệt quan trọng đối với PCCC và CNCH, bởi nhiều sự cố hiện nay có thể nhanh chóng vượt khỏi phạm vi một công trình hoặc một ngành.

Cháy tại trung tâm dữ liệu có thể gây gián đoạn dịch vụ số và hoạt động kinh tế; sự cố tại cơ sở năng lượng, kho hóa chất hoặc hệ thống pin lưu trữ có thể đồng thời tạo nguy cơ cháy, độc hại và ô nhiễm môi trường; sự cố ở công trình ngầm, metro, nhà cao tầng,

hạ tầng giao thông hoặc cơ sở trọng yếu có thể ảnh hưởng đến nhiều nhóm dân cư và nhiều chức năng thiết yếu. Trong những tình huống như vậy, câu hỏi nghiệp vụ không chỉ là “chữa cháy bằng phương án nào”, mà còn là “hệ thống nào phải được bảo vệ trước, nguy cơ nào có thể lan truyền, chức năng thiết yếu nào không được phép gián đoạn, lực lượng nào cần huy động và cách phối hợp ra sao”.

Vì vậy, nguồn nhân lực PCCC và CNCH phải hình thành tư duy hệ thống, hiểu mối liên hệ giữa con người - công trình - công nghệ - hạ tầng - môi trường - hoạt động kinh tế, xã hội; có khả năng phối hợp liên ngành và tổ chức ứng phó với các tình huống phức hợp. Đây là bước phát triển từ năng lực xử lý một sự cố sang năng lực bảo vệ con người, bảo vệ chức năng trọng yếu và duy trì khả năng chống chịu của hệ thống.

4. Hai Nghị quyết quan trọng nêu trên đã đặt ra vấn đề cần phải tập trung nghiên cứu, đề xuất về mô hình năng lực cốt lõi đối với nguồn nhân lực PCCC và CNCH trong giai đoạn mới. Mô hình này không phủ nhận các năng lực nghiệp vụ truyền thống, mà mở rộng chúng theo yêu cầu bảo đảm an ninh con người và an ninh quốc gia; cụ thể là:

Thứ nhất, năng lực quản trị rủi ro và dự báo: nhận diện nguy cơ, phân tích dữ liệu, đánh giá rủi ro, xây dựng kịch bản, dự báo diễn biến, tổ chức cảnh báo sớm và đề xuất biện pháp giảm thiểu. Đây phải trở thành năng lực nền, bởi phòng ngừa hiệu quả phụ thuộc vào khả năng nhận biết rủi ro trước khi chúng chuyển thành sự cố.

Thứ hai, năng lực thực chiến và chỉ huy: xử lý tình huống trong điều kiện áp lực cao, thông tin không đầy đủ, môi trường nguy hiểm; chỉ huy hiện trường; phân bổ nguồn lực; phối hợp đa lực lượng và điều chỉnh phương án theo diễn biến thực tế. Năng lực này phải được hình thành bằng huấn luyện tình huống và diễn tập, không thể chỉ bằng học lý thuyết.

Thứ ba, năng lực khoa học - công nghệ: sử dụng dữ liệu, GIS, mô phỏng, cảm biến, camera nhiệt, UAV, robot, trí tuệ nhân tạo và các phương tiện hiện đại để hỗ trợ nhận diện, dự báo và ra quyết định. Không phải mọi cán bộ đều trở thành chuyên gia công nghệ, nhưng nguồn nhân lực hiện đại phải có khả

năng hiệu, lựa chọn và khai thác công nghệ đúng mục đích nghiệp vụ.

Thứ tư, năng lực làm việc với con người và cộng đồng: tổ chức thoát nạn, hỗ trợ nhóm dễ bị tổn thương, truyền thông rủi ro, hướng dẫn kỹ năng, tổ chức lực lượng tại chỗ và huy động cộng đồng. Nếu an ninh con người là mục tiêu thì khả năng làm việc với con người phải trở thành một thành tố của năng lực nghề nghiệp, không chỉ là kỹ năng bổ trợ.

Thứ năm, năng lực thích ứng và hội nhập: tự học, cập nhật công nghệ và nguy cơ mới, sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành, tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế và tham gia hợp tác, CNCH quốc tế. Trong bối cảnh rủi ro biến đổi nhanh hơn chu kỳ cập nhật chương trình, khả năng học tập suốt đời là điều kiện để duy trì năng lực nghề nghiệp.

5. Từ mô hình năng lực đó, chúng tôi nhận thấy rằng, vấn đề đầu tiên không phải là bổ sung thêm bao nhiêu môn học, mà là xác định lại người học sau tốt nghiệp phải giải quyết được những vấn đề gì. Nếu mục tiêu đào tạo vẫn chủ yếu mô tả lượng kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ cần nắm, quá trình đổi mới dễ dừng ở việc “cộng thêm nội dung” mà chưa làm thay đổi chất lượng đầu ra. Cần chuyển sang chuẩn đầu ra dựa trên năng lực thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh rủi ro mới.

Theo đó, chuẩn đầu ra cần tích hợp năm nhóm năng lực nêu trên, được cụ thể hóa theo từng trình độ, vị trí việc làm và loại hình nhiệm vụ. Với cán bộ làm công tác phòng ngừa, trọng tâm có thể là phân tích rủi ro, thẩm định giải pháp, dữ liệu và truyền thông an toàn; với cán bộ chữa cháy, CNCH là năng lực chỉ huy, ứng phó phức hợp, công nghệ và phối hợp; với cán bộ nghiên cứu, quản lý là năng lực phân tích hệ thống, dự báo và tham mưu chính sách. Cách tiếp cận này giúp tránh một chuẩn đầu ra chung chung cho mọi đối tượng.

Vì vậy, thước đo chất lượng phải chuyển từ “người học biết gì” sang “người học làm được gì, trong điều kiện nào và với mức độ độc lập, chính xác, an toàn ra sao”. Đây là tiền đề để đổi mới nội dung, phương pháp và đánh giá theo cùng một logic năng lực. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất một số vấn đề sau:

Một là, chương trình đào tạo cần được cấu trúc lại theo hướng tích hợp, tránh kéo dài thời lượng bằng cách bổ sung cơ học các học phần mới. Các nội dung về an ninh con người, an ninh phi truyền thống, quản trị rủi ro, quản trị khủng hoảng, bảo vệ hạ tầng trọng yếu, dữ liệu và công nghệ số, năng lực mới, biến đổi khí hậu, tâm lý trong tình huống khẩn cấp và giáo dục cộng đồng cần được tích hợp vào các mô-đun hoặc tình huống nghiệp vụ tương ứng.

Một yêu cầu quan trọng là xây dựng mạch chương trình theo chu trình “phòng ngừa - chuẩn bị - ứng phó - phục hồi”. Cách tổ chức này giúp người học nhìn thấy toàn bộ vòng đời của rủi ro và mối liên hệ giữa các chức năng PCCC, CNCH, thay vì tiếp cận chúng như các khối kiến thức tách biệt. Những loại hình rủi ro mới như công trình ngầm, trung tâm dữ liệu, pin lithium, phương tiện điện, kho năng lượng, không gian hạn chế, cháy rừng và thảm họa đa nguy cơ cần được đưa vào tình huống tích hợp, phù hợp với từng chương trình.

Hai là, phương pháp đào tạo phải chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức sang học tập dựa trên vấn đề và tình huống: giảng giải nền tảng - phân tích vụ việc - mô phỏng - thực hành - diễn tập - đánh giá năng lực. Trong đó, dữ liệu vụ cháy, tai nạn, sự cố thực tế phải trở thành nguồn học liệu quan trọng. Xây dựng “ngân hàng tình huống PCCC và CNCH phục vụ đào tạo”, trong đó mỗi vụ việc điển hình được chuẩn hóa theo cấu trúc: bối cảnh - nguy cơ - quyết định - diễn biến - kết quả - sai lệch - bài học - phương án thay thế. Ngân hàng này vừa phục vụ đào tạo, vừa tạo nền dữ liệu cho nghiên cứu và mô phỏng.

Ba là, đánh giá người học cũng cần thay đổi tương ứng. Bên cạnh kiểm tra kiến thức, cần tăng đánh giá qua tình huống, mô phỏng và bài tập ra quyết định; chú trọng tiêu chí nhận diện nguy cơ, lựa chọn phương án, phối hợp, sử dụng công nghệ, kiểm soát an toàn và khả năng giải thích cơ sở của quyết định. Chỉ khi đánh giá thay đổi, chương trình và phương pháp mới thực sự chuyển động, tạo ra kết quả rõ nét.

Bốn là, đổi mới chương trình sẽ khó tạo kết quả nếu đội ngũ giảng viên không đồng thời được chú trọng xây dựng, phát triển xứng tầm. Mô hình giảng

viên phù hợp với yêu cầu mới có thể khái quát bằng ba thành tố: giới lý luận - vững thực tiễn - làm chủ công nghệ. Trong đó, “vững thực tiễn” không chỉ là từng tham gia công tác thực tế, mà phải thường xuyên tiếp cận vụ việc, dữ liệu và các vấn đề mới của lực lượng; “làm chủ công nghệ” không chỉ là sử dụng thiết bị trình chiếu, mà là khả năng khai thác mô phỏng, dữ liệu, công cụ số và phương tiện kỹ thuật phục vụ dạy học, nghiên cứu. Cần thiết lập cơ chế luân chuyển, đi thực tế nghiệp vụ định kỳ, tham gia nghiên cứu theo vấn đề thực tiễn, trao đổi chuyên gia giữa cơ sở đào tạo với đơn vị chiến đấu, cơ quan quản lý và doanh nghiệp công nghệ. Những lĩnh vực mới nên hình thành nhóm giảng viên - chuyên gia liên ngành, thay vì giao cho một khoa đơn lẻ. Đồng thời, phải coi ngoại ngữ chuyên ngành, năng lực đọc tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật quốc tế, kỹ năng dữ liệu là những năng lực phát triển nghề nghiệp bắt buộc đối với một bộ phận giảng viên nòng cốt, chuyên sâu.

Năm là, về hạ tầng, yêu cầu đào tạo theo năng lực đòi hỏi chuyển từ mô hình chủ yếu dựa vào giảng đường và thao trường truyền thống sang tổ hợp thực hành - thực chiến - mô phỏng - dữ liệu - phòng thí nghiệm. Hạ tầng không được đầu tư dàn trải; cần ưu tiên những nền tảng dùng chung có khả năng tạo nhiều loại tình huống, tái sử dụng dữ liệu và tích hợp công nghệ mới và phải được thiết kế từ yêu cầu năng lực chuẩn đầu ra.

Sáu là, nguồn nhân lực PCCC và CNCH hoạt động trong một hệ thống liên ngành, do đó đào tạo không thể khép kín trong phạm vi một cơ sở giáo dục. Cần hình thành hệ sinh thái liên kết giữa cơ sở đào tạo chuyên ngành với cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng trực tiếp chiến đấu, Công an địa phương, y tế, quân đội, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ, các trường đại học và đối tác quốc tế. Mỗi chủ thể cung cấp một loại nguồn lực khác nhau: tình huống, dữ liệu, chuyên gia, công nghệ, môi trường thử nghiệm hoặc kinh nghiệm quốc tế. Trong hệ sinh thái đó, Học viện PCCC và CNCH cần phát huy vai trò cơ sở đào tạo, nghiên cứu chuyên ngành nòng cốt; chủ động tham gia xây dựng chuẩn năng lực, chuẩn hóa học liệu, phát triển ngân hàng tình huống, tổ chức

huấn luyện chuyên sâu và kết nối mạng lưới chuyên gia. Vai trò nòng cốt không làm thay các chủ thể khác mà sẽ tạo chuẩn, tạo nền tảng dùng chung và tạo cơ chế để tri thức từ thực tiễn được chuyển hóa nhanh thành năng lực đào tạo.

Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 22-NQ/TW không chỉ đặt ra những nhiệm vụ mới đối với công tác PCCC và CNCH mà còn làm thay đổi yêu cầu đối với chính nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ này. Trong giai đoạn mới, cán bộ PCCC và CNCH không chỉ cần giỏi xử lý sự cố, mà phải có năng lực quản trị rủi ro, dự báo, chỉ huy ứng phó, làm chủ khoa học - công nghệ, làm việc với cộng đồng và thích ứng với những nguy cơ mới. Vì vậy, đổi mới đào tạo nguồn nhân lực PCCC và CNCH không chỉ là yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục chuyên ngành, mà là một bộ phận trực tiếp của quá trình xây dựng năng lực quốc gia về bảo đảm an ninh con người, an ninh quốc gia và khả năng chống chịu của xã hội trong kỷ nguyên mới.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 28/7/2026 về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển*, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 28/7/2026 về Chiến lược An ninh quốc gia*, Hà Nội.